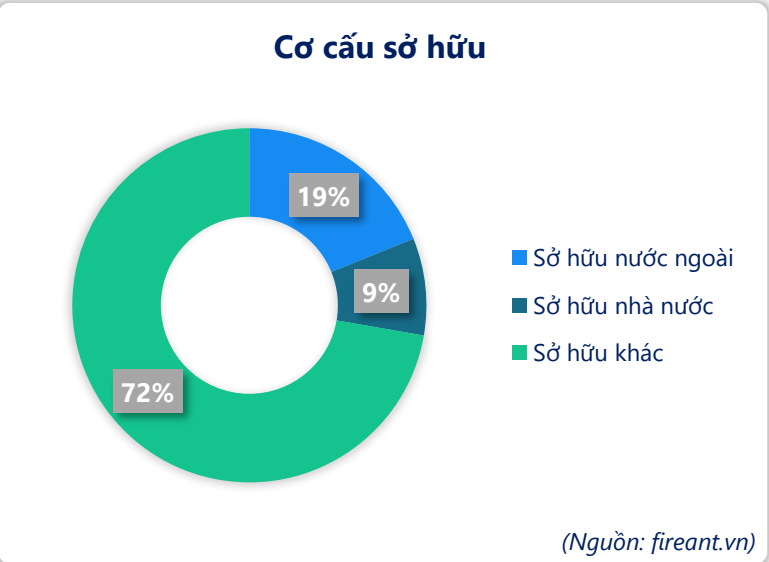
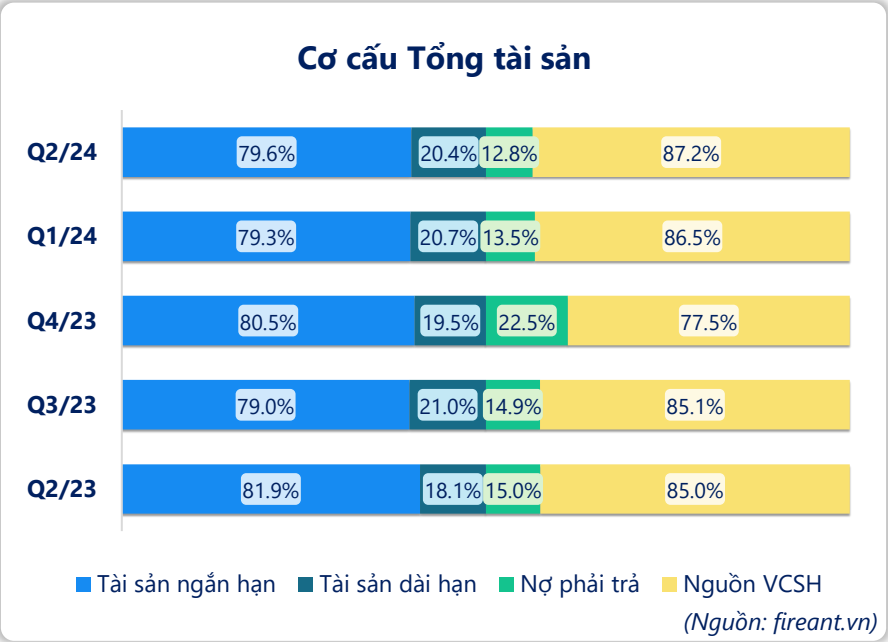
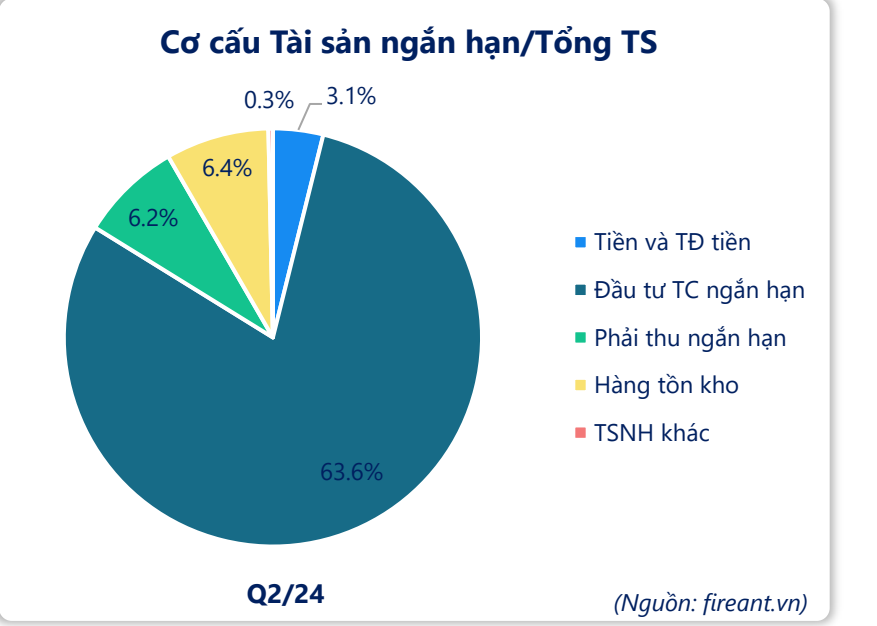
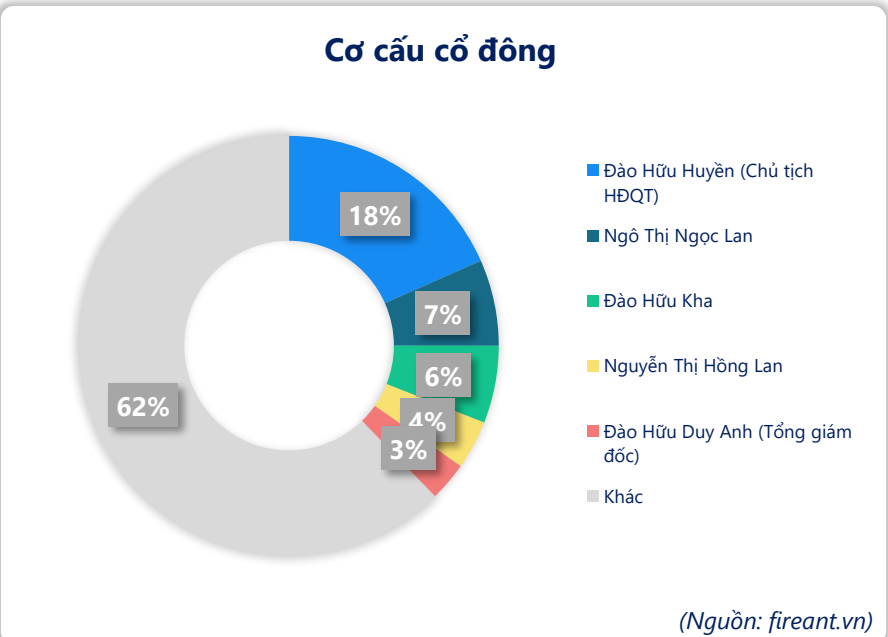
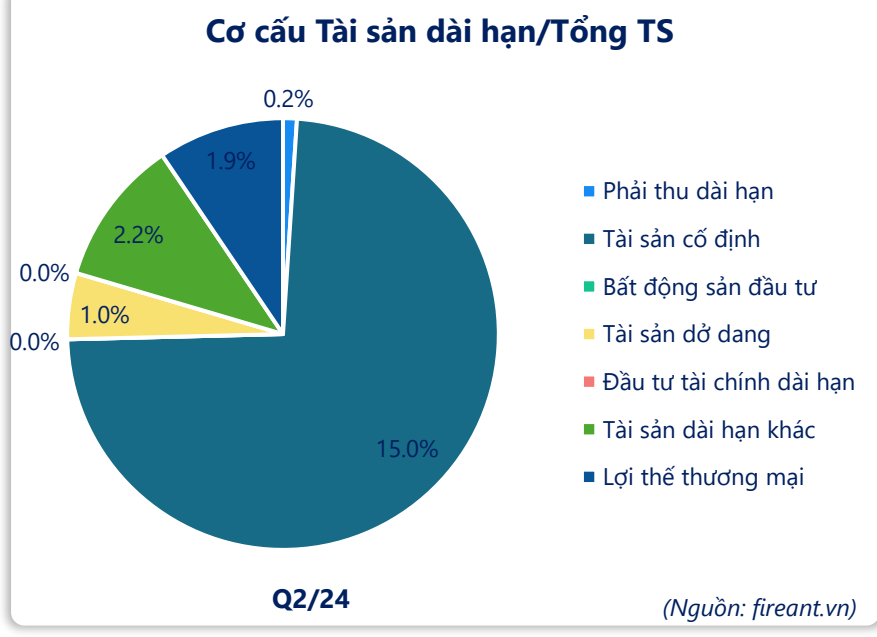
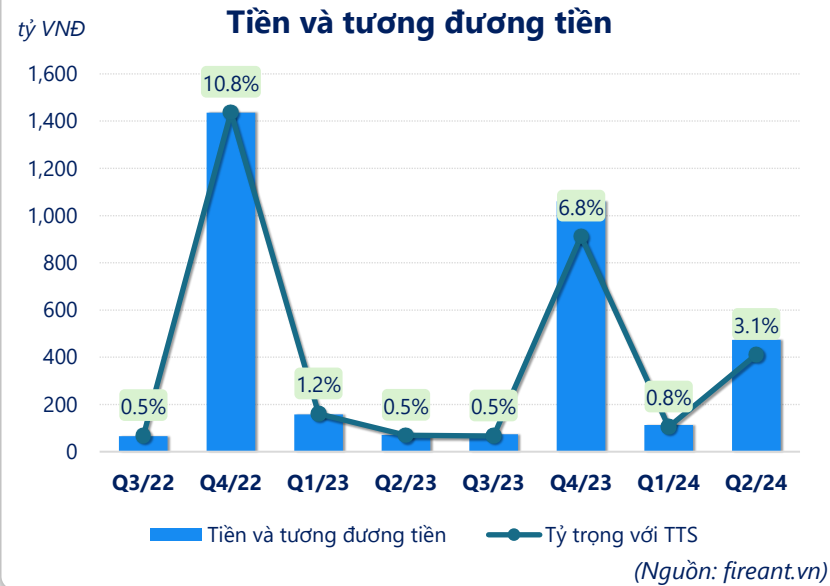
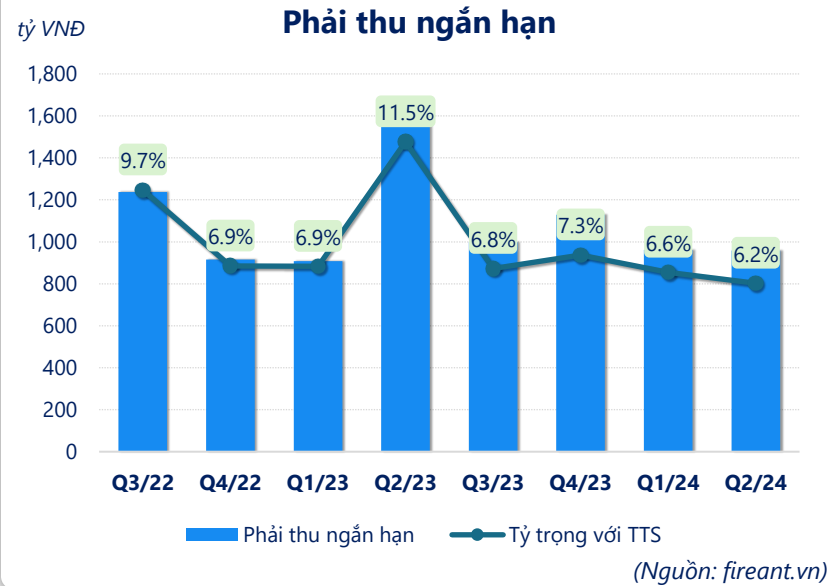
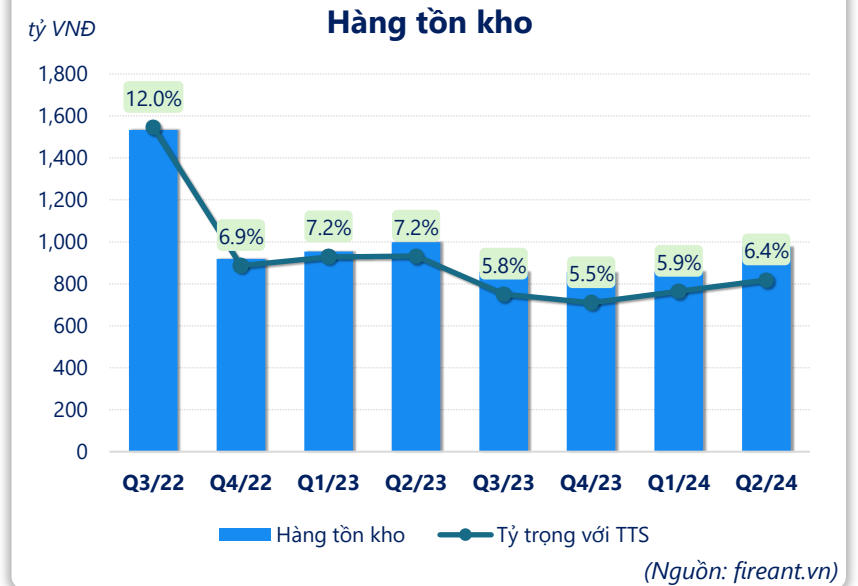
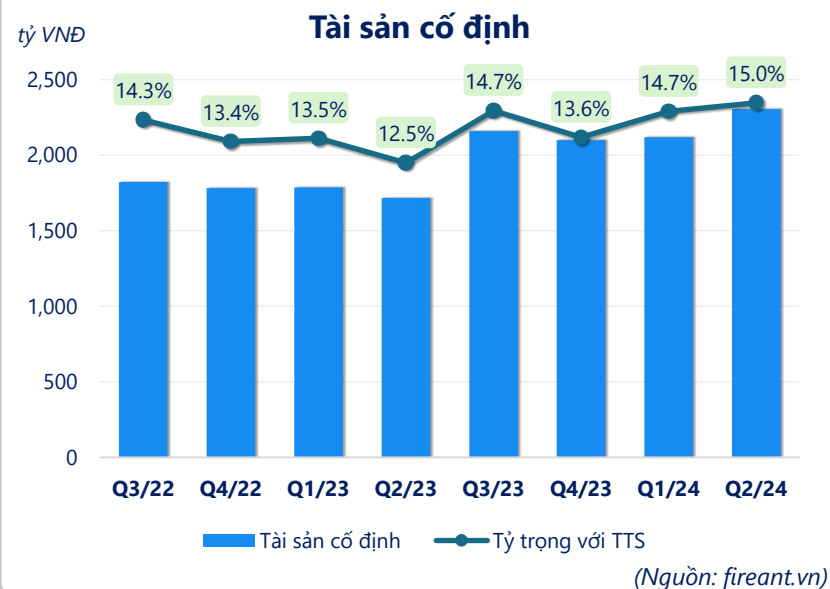
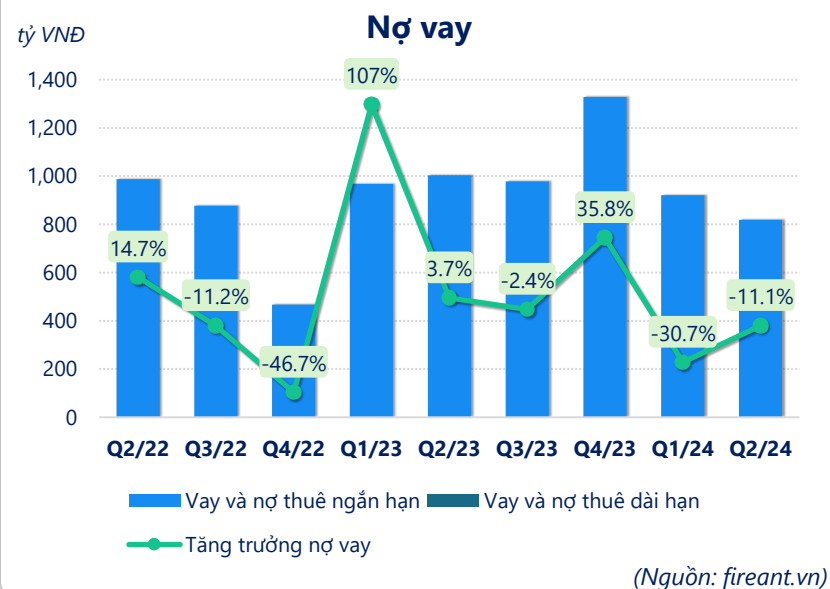
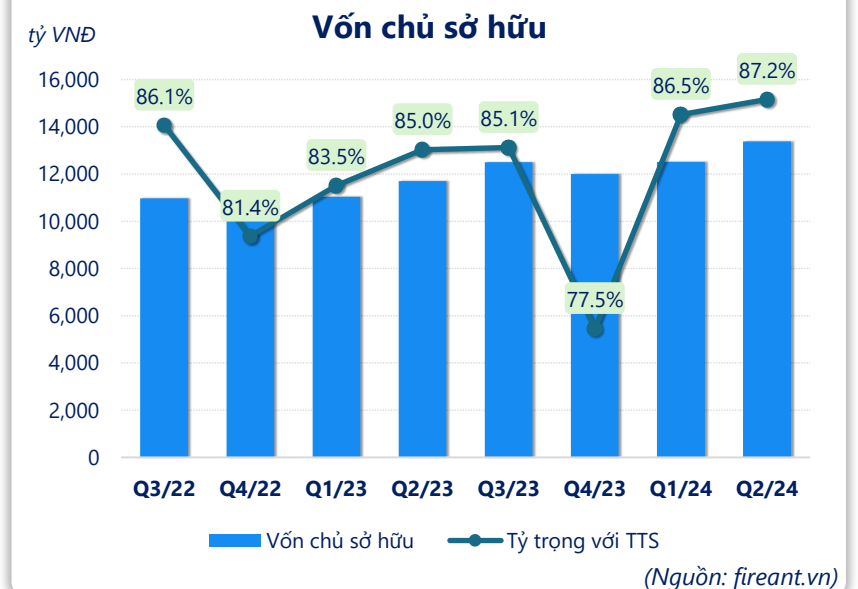
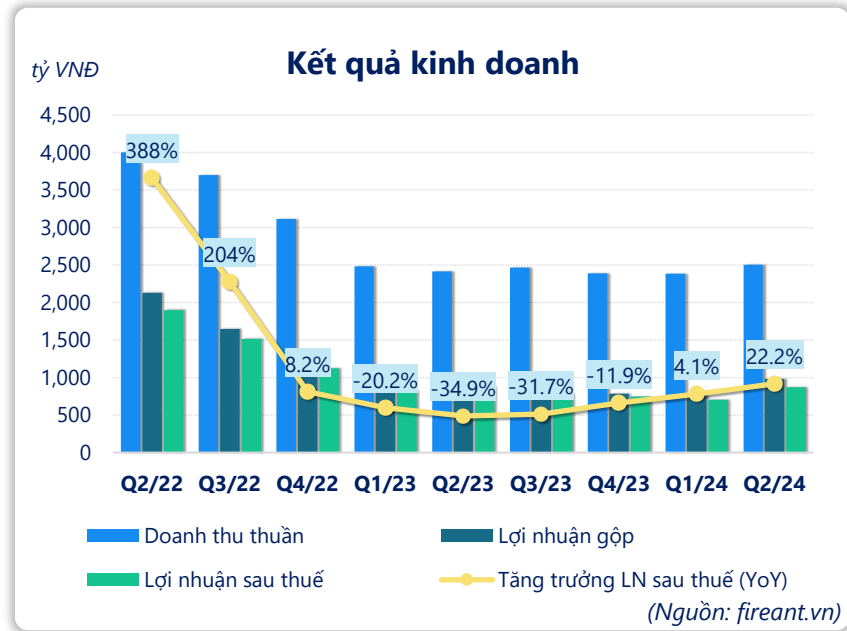
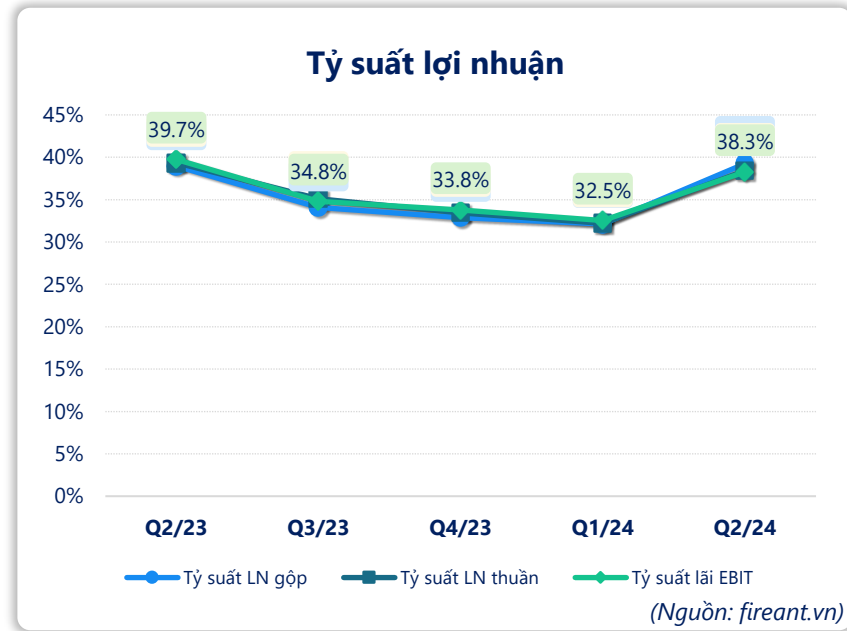
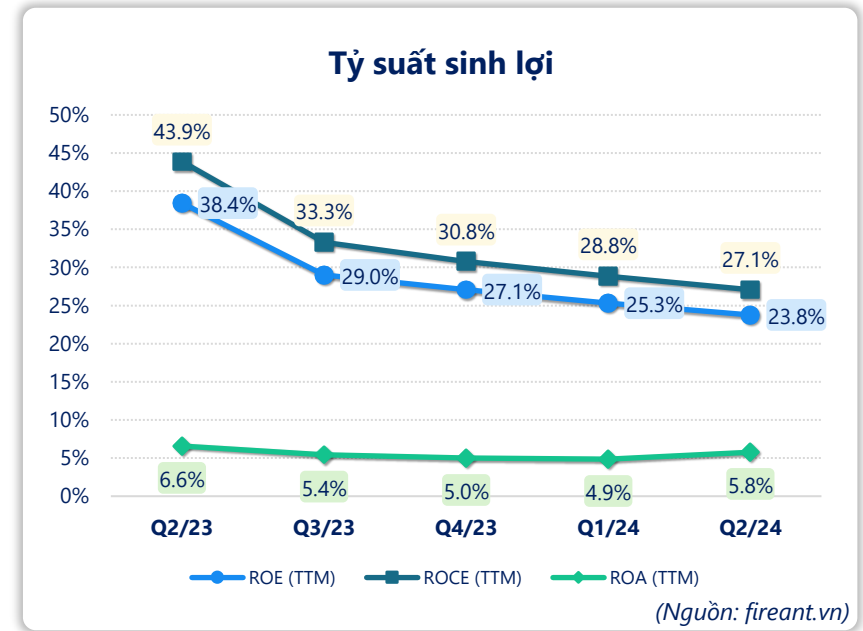
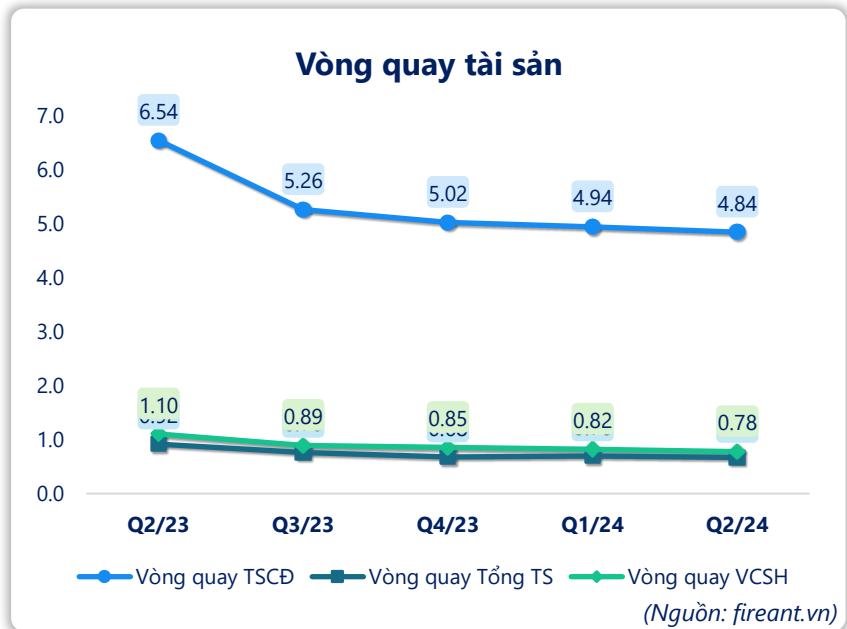
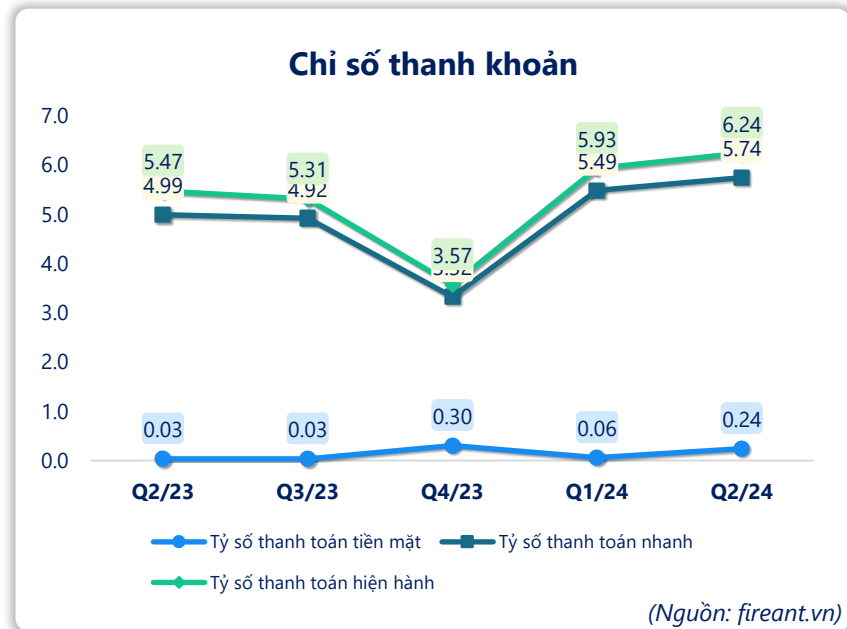
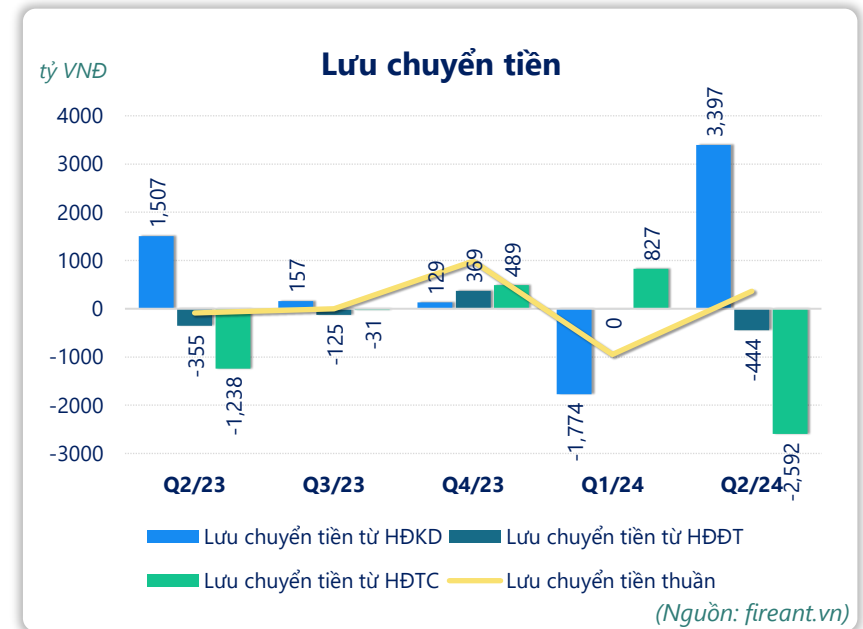


Thông tin giao dịch		28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		122,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		131,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		60,985
SL cổ phiếu LH		379,778,413
KLGD BQ 20 phiên (CP)		4,054,310
% sở hữu nước ngoài		18.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		46,523
P/E		15.6
EPS		7,849

	YTD	1T	3T	6T
DGC	30.6%	-2.3%	-0.7%	33.4%
VNINDEX	10.0%	-2.7%	-3.0%	11.4%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	15,350	15,536	-1.2%
Tài sản ngắn hạn	12,217	12,467	-2.0%
Tiền và tương đương tiền	474	1,061	-55.3%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9,765	9,342	4.5%
Phải thu ngắn hạn	958	1,130	-15.2%
Hàng tồn kho	977	855	14.3%
Tài sản ngắn hạn khác	42.4	79.7	-46.8%
Tài sản dài hạn	3,133	3,069	2.1%
Phải thu dài hạn	32.5	31.2	4.1%
Tài sản cố định	2,305	2,144	7.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	155	225	-31.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	344	356	-3.4%
Lợi thế thương mại	296	313	-5.3%
Nợ phải trả	1,970	3,509	-43.8%
Nợ ngắn hạn	1,957	3,493	-44.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	818	1,328	-38.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	247	190	30.0%
Nợ dài hạn	13.8	16.1	-14.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	13,379	12,027	11.2%
Vốn chủ sở hữu	13,379	12,027	11.2%
Vốn điều lệ	3,798	3,798	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Doanh thu thuần	2,414	2,464	2,388	2,385	2,505
Giá vốn hàng bán	1,473	1,624	1,603	1,619	1,522
Lợi nhuận gộp	940	840	784	766	983
Doanh thu HĐTC	181	203	194	165	165
Chi phí TC	24.8	21.9	35.6	18.0	15.9
Chi phí lãi vay	8.86	8.37	7.72	6.51	5.31
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	108	118	95.4	105	117
Chi phí QLDN	39.1	39.1	49.3	40.4	53.1
LN thuần từ HĐKD	950	864	798	768	962
Lợi nhuận khác	0.50	-15.8	0.13	1.26	-9.15
LN trước thuế	950	849	799	769	953
Lợi nhuận sau thuế	879	788	746	704	871
LNST của CĐ cty mẹ	841	746	720	673	842

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	1,507	157	129	-1,774	3,397
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-355	-125	369	-0.08	-444
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1,238	-31.0	489	827	-2,592
Tiền đầu kỳ	158	71.5	73.2	1,061	113
Lưu chuyển tiền thuần	-86.3	1.07	987	-947	361
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.60	0.60	0.00	0	0.01
Tiền cuối kỳ	71.5	73.2	1,061	113	474

(Nguồn: fireant.vn)